

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/DS-ST
Ngày 29-9-2023
V/v: Tranh chồngáp về thừa kế tài sản là
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia P, bà Nguyễn Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 65/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chồngáp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1957

Địa chồngn: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H - sinh năm 1958

Địa chồngn: Số nhà 20, ngõ 52, phố Q, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

(Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn X - sinh năm 1945

Địa chồngn: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T3 - sinh năm 1945

Địa chồng: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3: Ông Nguyễn Văn X - sinh năm 1945, địa chồng: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn T2 - sinh năm 1951

Địa chồng: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Bà Đào Thị P - sinh năm 1976, địa chồng: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Bà P đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Chồng: Đào Thị P - sinh năm 1976

Địa chồng: Khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Bà P đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ của bà là cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị T1 sinh được 05 người con, gồm có ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Mạnh H. Ngoài những người con này, bố mẹ của bà không nhận nuôi người con nuôi nào. Bố mẹ của cụ T và cụ T1 đều chết trước cụ T và cụ T1.

Cụ T và cụ T1 có tài sản là thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 diện tích đất 766m² (trong đó 300m² đất ở, 466m² đất vườn) tại khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ; tài sản gắn liền với thửa đất là ngôi nhà hai tầng và nhà bếp. Hiện nay diện tích đất thực tế là 648,1m², nguyên nhân diện tích đất bị thiếu như thế nào thì bà không nắm được.

Cụ T chết năm 2001, cụ T1 chết năm 2005. Cụ T và cụ T1 không ai để lại di chôn gúc định đoạt tài sản là thửa đất và tài sản gắn liền với đất. Khi cụ T, cụ T1 chết thì anh em của bà đều chi phí mai táng. Nay bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T và cụ T1 theo diện tích đất thực tế là 648,1m² của thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 tại khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ cho bà, ông X, bà T3, ông T2 và ông H. Phần di sản thừa kế chia cho bà T3 mà bà T3 giao lại cho bà sở hữu, sử dụng thì bà nhất trí. Khi chia di sản thừa kế thì bà nhận sở hữu, sử dụng phần diện tích đất hiện nay bà đã xây nhà và phần đất phía sau nhà. Đối với ngôi nhà hai tầng và nhà bếp hiện hết khấu hao nên bà

không yêu cầu chia, vợ chồng ông T2 bà P đang sử dụng ngôi nhà hai tầng và nhà bếp nên giao cho ông T2 sở hữu, sử dụng. Khi chia di sản thừa kế mà phần diện tích đất chia cho bà được ít hơn so với diện tích đất chia theo quy định của pháp luật thì bà không đề nghị những người được chia di sản thừa kế phải thanh toán tiền chồngêngh lệ chồng di sản thừa kế cho bà. Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chồngỗ và định giá tài sản, bà đã nộp và xin chịu toàn bộ số tiền này, bà không yêu cầu những người được chia di sản thừa kế trả lại bà số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chồngỗ và định giá tài sản.

Ông Nguyễn Mạnh H là bị đơn trình bày:

Bố mẹ của ông có tài sản là thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 tại khu 1, xã X, huyện L. Nay bà Đ khởi kiện chia di sản thừa kế thì ông đề nghị Tòa án án giải quyết theo pháp luật. Phần di sản thừa kế chia cho ông thì ông để lại cho ông T2 sở hữu, sử dụng. Ông không yêu cầu ông T2 phải thanh toán giá trị phần di sản của ông được chia mà ông đã giao cho ông T2 sở hữu, sử dụng. Ông là người cao tuổi nên xin miễn án phí.

Ông Nguyễn Văn X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T3 trình bày:

Bố mẹ của ông là cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị T1 sinh được 05 người con, gồm có ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Mạnh H. Ngoài những người con ày thì bố mẹ của ông không có người con nuôi nào.

Bố mẹ của ông có tài sản là thửa đất số 240 tờ bản đồ 39 diện tích 766m² (Trong đó 300m² đất ở, 466m² đất vườn) tại khu L (nay là Khu 1), xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi chết, bố mẹ của ông không ai để lại di chồnggúc để định đoạt tài sản.

Nay bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 240 tờ bản đồ 39 diện tích 766m² tại khu 1, xã X, huyện L thì ông và bà Nguyễn Thị T3 nhất trí và đề nghị chia đều theo quy định pháp luật, phần di sản của ông được chia thì giao cho ông T2 sở hữu, sử dụng, ông không yêu cầu ông T2 phải thanh toán giá trị phần di sản của ông được chia mà ông đã giao cho ông T2 sở hữu, sử dụng. Phần diện tích đất của bà T3 được chia thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà T3. Ông là người cao tuổi nên xin miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị T3 đề nghị là phần di sản của bà được hưởng của bố mẹ để lại thì nguyện vọng của bà là để cho bà Nguyễn Thị Đ toàn bộ kỷ phần mà bà được hưởng, bà không yêu cầu bà Đ phải có bất kỳ nghĩa vụ gì đối với bà.

Bà T3 là người cao tuổi và đang điều trị bệnh nên đề nghị miễn giảm án phí cho bà.

Bà Đào Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Bố mẹ của ông Nguyễn Văn T2 là cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị T1 sinh được 5 người con, gồm có ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Mạnh H. Ngoài những người con này, bố mẹ đẻ của ông T2 không nhận nuôi người con nuôi nào. Hiện nay bố mẹ đẻ của cụ T và cụ T1 đã chết và chết trước cụ T, cụ T1.

Cụ T và cụ T1 có tài sản là thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 diện tích 766m² (trong đó 300m² đất ở và 466m² đất vườn) tại khu L (nay là khu 1), xã X, huyện L, thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn T. Tài sản gắn liền với thửa đất là nhà và bếp. Cụ T chết năm 2001, cụ T1 chết năm 2005, trước khi chết không ai viết di chôn gúc định đoạt tài sản là thửa đất và tài sản gắn liền với thửa đất.

Bà và ông Nguyễn Văn T2 kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà đã sử dụng ngôi nhà và thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 diện tích 766m² tại khu L (nay là khu 1), xã X, huyện L của cụ T và cụ T1. Quá trình sử dụng thì vợ chồng bà có làm mái tôn khung sắt phía trước nhà, làm chôn guồn g và lát gạch chôn g sân nhà, còn ngôi nhà và bếp của cụ T, cụ T1 để lại thì vợ chồng bà không sửa chôn gữa gì. Xung quanh thửa đất đã được xây tường rào ngăn cách chôn g giữa các thửa đất và đường giao thông. Từ ngày vợ chồng bà sử dụng đất đến nay đã sử dụng đúng mốc giới đất, không xảy ra tranh chôn g với các thửa đất liền kề.

Nay bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 và tài sản gắn liền với đất tại khu L (nay là khu 1), xã X, huyện L, quan điểm của bà và ông T2 là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông T2 là người cao tuổi và điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên xin miễn án phí.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chôn g hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và nguyên đơn đã chôn g hành đúng quy định của pháp luật, những đương sự còn lại chôn g chôn g hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 614 và Điều 650 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T3, miễn, giảm, T3, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chồnggáp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu chia di sản thừa kế .

Chia cho bà Nguyễn Thị Đ 198,4m² đất (Trong đó 120m² đất ở, 78,4m² đất vườn) của thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39 tại 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Chia cho ông Nguyễn Văn T2 449,7m² đất (trong đó 180m² đất ở, 269,7m² đất vườn) của thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39 tại khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 8.800.000 tiền chi phí tố tụng.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho các đương sự vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị T1 nên quan hệ pháp luật tranh chồnggáp là thừa kế tài sản. Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại xã X, huyện L nên vụ án Thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lâm Thao.

Ông Nguyễn Mạnh H và bà Đào Thị P đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt phiên tòa lần hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử vắng mặt ông Nguyễn Mạnh H, ông Nguyễn Văn X và bà Đào Thị P là phù hợp.

[2] Về yêu cầu chia di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị T1 có tài sản là thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 diện tích 766m² tại khu 1, xã X, huyện L, thửa đất đã được UBND huyện Lâm Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q444235 ngày 06/11/1999, sổ vào sổ H00023 ngày 06/11/1999. Trên đất có ngôi nhà hai tầng và nhà bếp. Cụ Nguyễn Văn T chết năm 2001, cụ Nguyễn Thị T1 chết năm 2005. Cụ T và cụ T1 không ai để lại di chồnggáp định đoạt thừa đất và tài sản gắn liền với đất nên chia thừa đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Khi chia di sản thừa kế cần xem xét ai là người được hưởng di sản thừa kế, trong những người được hưởng thừa kế có ai là người không được quyền hưởng di sản thừa kế của cụ T và cụ T1. Xét thấy cụ T và cụ T1 sinh được 05 người con gồm có ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Đ, ngoài những người con này cụ T và cụ T1 không nhận nuôi người con nuôi nào; mối quan hệ thừa kế giữa con riêng với bố, mẹ dượng là không có; bố mẹ đẻ của cụ T và của cụ T1 hiện nay đã chết và chết trước cụ T và cụ T1. Theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự, những người được hưởng di sản thừa kế của cụ T và cụ T1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm có ông X, ông T2, ông H, bà T3 và bà Đ. Trong những người được hưởng thừa kế thì không có ai là người không được quyền hưởng thừa kế tài sản của cụ T và cụ T1.

Về nghĩa vụ tài sản của cụ T, cụ T1 và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế: Xét thấy cụ T, cụ T1 khi còn sống không nợ những khoản tiền thuế không phải trả tiền công lao động, tiền bồi thường thiệt hại; không phải trả nợ cá nhân, pháp nhân; không phải nộp tiền phạt đối với Nhà nước và các chi phí khác. Vì vậy, không trích một phần di sản thừa kế để chi trả những khoản tiền này.

Về chi phí mai táng cho cụ T, cụ T1 khi chết: Xét thấy khi cụ T, cụ T1 khi chết thì những người được hưởng di sản thừa kế của cụ T, cụ T1 đều chi phí nên không phải trích một phần tài sản của cụ T, cụ T1 để chi trả. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có ai đề nghị được thanh toán khoản tiền chi phí này nên không giải quyết.

Trước khi chia di sản thừa kế cần xem xét công sức của người trông coi, quản lý và làm tăng giá trị di sản thừa kế: Xét thấy vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Đào Thị P là người đang sử dụng phần diện tích đất có nhà hai tầng và nhà bếp của cụ T, cụ T1; phần diện tích đất còn lại bà Nguyễn Thị Đ đã xây ngôi nhà cấp bốn nên bà Đ đang sử dụng. Các đương sự không ai đề nghị giải quyết công sức đóng góp của mình đối với di sản thừa kế nên không giải quyết.

Khi chia di sản thừa kế thì bà Đ nhận sở hữu, sử dụng bằng hiện vật, phần di sản chia cho bà T3 thì bà T3 giao cho bà Đ sở hữu, sử dụng; phần di sản chia cho ông X và ông H thì ông X và ông H giao cho ông T2 sở hữu, sử dụng. Vì vậy, chia thừa đất này cho bà Đ và ông T2 sở hữu, sử dụng, tuy nhiên cần xem xét đến diện tích đất và vị trí thửa đất để chia. Diện tích đất thực tế là 648,1m² (bị thiếu 117,9m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), vị trí thửa đất có một cạnh tiếp giáp với đường giao thông và một cạnh tiếp giáp với đường ngõ, các cạnh còn lại tiếp giáp với thửa đất liền kề. Phần diện tích đất bà Đ đang sử dụng có một ngôi nhà cấp bốn, mái tôn phía trước nhà và mái tôn phía sau nhà, nguyện vọng của bà Đ là được chia phần diện tích đất đang sử dụng và một

phần diện tích đất phía sau nhà nên chia cho bà Đ 198,4m² đất (trong đó 120m² đất ở); phần diện tích đất còn lại ông T2 đang sử dụng nên chia cho ông T2 449,7m² đất (trong đó 180m² đất ở).

Đối với di sản thừa kế là nhà hai tầng, bếp và giếng nước đã hết khấu hao nên trị giá 0 đồng, hiện ông T2 đang sử dụng nên ông T2 tiếp tục sử dụng. Những tài sản còn lại là sân và mái tôn phía trước nhà hai tầng, chõnguồng gà, cây nhãn là của vợ chồng ông T2 bà P; ngôi nhà cấp bốn và mái tôn phía trước nhà, sau nhà cấp bốn là của bà Đ, những tài sản này là xây dựng trên phần diện tích của từng được chia nên không giải quyết. Ngôi nhà hai tầng có mái le sang phần đất chia cho bà Đ nên ông T2 phải có trách nhiệm tháo dỡ phần mái le này.

Thanh toán chồngênh lệ chồng di sản thừa kế: Xét thấy ông X, bà T3, bà Đ, ông T2 và ông H mỗi người được chia 129,62m² đất. Diện tích đất của bà T3 được chia thì giao cho bà Đ sở hữu, sử dụng nên tổng diện tích đất của bà Đ được chia là 259,24m², do hiện trạng thừa đất nên chia cho bà Đ 198,4m², chia cho ông T2 449,7m² đất. Bà Đ nhất trí diện tích đất được chia là 198,4m² và không yêu cầu ông T2 phải thanh toán chồngênh lệ chồng di sản thừa kế nên ông T2 không phải thanh toán tiền cho bà Đ. Phần diện tích đất chia cho bà T3 thì bà T3 đã giao cho bà Đ sở hữu, sử dụng, phần diện tích đất chia cho ông X và ông H thì ông X và ông H giao cho ông T2 sở hữu, sử dụng. Bà T3 không yêu cầu bà Đ thanh toán giá trị di sản được chia, ông X và ông H không ai yêu cầu ông T2 thanh toán giá trị di sản thừa chia nên không giải quyết.

Diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 766m² nhưng diện tích đất thực tế theo hiện trạng đang sử dụng là 648,1m², bị thiếu 117,9m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự không ai yêu cầu giải quyết diện tích đất bị thiếu để chia di sản thừa kế nên không giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chồngỗ và định giá tài sản là 8.800.000 đồng. Bà Đ đã nộp toàn bộ số tiền này, không yêu cầu những người được chia di sản thừa kế trả lại bà Đ. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 8.800.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chồngỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà Đ đã nộp xong số tiền này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T3, miễn, giảm, T3, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn

Văn X, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Mạnh H mỗi người phải chịu án phí tương ứng với phần di sản thừa kế được chia. Xét thấy bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Mạnh H là những người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Mạnh H.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 609, Điều 613, Điều 614, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T3, miễn, giảm, T3, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xác nhận cụ Nguyễn Văn T, cụ Nguyễn Thị T1 có tài sản là thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 diện tích đất thực tế là 648,1m² tại khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

3. Chồngáp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 240 tờ bản đồ số 39 tại khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ của cụ Nguyễn Văn T, cụ Nguyễn Thị T1.

4. Chia cho bà Nguyễn Thị Đ 198,4m² đất (Trong đó 120m² đất ở, 78,4m² đất vườn) của thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39 tại 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q444235 của UBND huyện Lâm Thao cấp ngày 06/11/1999, số vào sổ H00023 ngày 6/11/1999) trị giá 370.560.000 đồng, diện tích đất có các cạnh dài từ điểm 16-22=8,07m, 22-21=0,30m, 21-20=9,27m, 20-7=11,27m, 7-8=4m, 8-9=11,14m, 9-10=8,58m, 10-11=1,05m, 11-12=1,09m, 12-13=0,74m, 13-14=1,11m, 14-15=10,70m, 15-16=2,09m (có sơ đồ diện tích đất kèm theo). Khi án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Đ không phải thanh toán giá trị di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị T3 vì bà Nguyễn Thị T3 không yêu cầu.

5. Chia cho ông Nguyễn Văn T2 449,7m² đất (trong đó 180m² đất ở, 269,7m² đất vườn) của thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39 tại khu 1, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q444235 của UBND huyện Lâm Thao cấp ngày 06/11/1999, sổ vào sổ H00023 ngày 6/11/1999) trị giá 692.730.000 đồng, diện tích đất có các cạnh dài từ điểm 1-2=12,27m, 2-3=10,08m, 3-4=0,52m, 4-5=4,74m, 5-6=6,83m, 6-7=9,60m, 7-20=11,27m, 20-21=9,27m, 21-22=0,30m, 22-16=8,07m, 16-17=2,89m, 17-18=2,83m, 18-19=9,16m, 19-1=3,89m (có sơ đồ diện tích đất kèm theo); tài sản trên đất là 01 nhà hai tầng và 01 nhà bếp đều trị giá 0 đồng (do hết khấu hao). Khi án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T2 không phải thanh toán giá trị di sản thừa kế cho ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Mạnh H vì không ai yêu cầu.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 phải tháo dỡ phần mái le của ngôi nhà hai tầng, kích hông thước mái le có chiều rộng hai cạnh tính từ ngoài vào tường nhà là 30cm. Vị trí mái le của ngôi nhà hai tầng bị tháo dỡ là phía trên mái tôn của diện tích đất chia cho bà Nguyễn Thị Đ.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ chịu cả 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ tiền.

7. Án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Mạnh H vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

8. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên